

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày: 18/03/2022
V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Châu Kim Ba;
- Ông Trần Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: ông Châu Kim Sol - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên, tỉnh An Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên tham gia phiên Tòa: bà Bùi Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952. Địa chỉ: tổ 01, ấp A, xã A1, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:* ông Trần Văn C, (tên gọi khác Trần Văn P), sinh năm 1964 và Nguyễn Thị V, sinh năm 1972. Địa chỉ: tổ 3, ấp Vô Bà, xã A1, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 19/10/1998, vợ chồng ông C (tự P) đã tất toán tổng số vàng đã mượn của bà mua đất và làm vốn trồng Su, còn nợ bà là 16 chỉ vàng 05 phân vàng 24Kra, ông C (tự P) có ký nhận vào biên nhận nợ (không ghi ngày, tháng, năm). Trong thời gian mua bán trái Su qua lại thì vợ chồng ông C có trả cho bà H được 04 chỉ vàng 24Kra; còn nợ lại 12 chỉ vàng 05 phân vàng 24Kra.

Do Trần Văn C (tự P) không thừa nhận chữ ký nên bà đã yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ viết và đã có Kết luận chữ viết, chữ ký là của ông Trần Văn C nên phải chịu trách nhiệm.

Về chi phí tố tụng, bà H yêu cầu vợ chồng ông C, bà V phải trả lại cho bà H.

Bà H thống nhất giá vàng thị trường 5.300.000đ/01 chỉ vàng 24Kra.

Nay, bà H yêu cầu vợ chồng ông C, bà V có nghĩa vụ trả cho bà H một lần là 12 chỉ vàng 05 phân vàng 24Kra.

2. Bị đơn vợ chồng ông Trần Văn C (P), bà Nguyễn Thị V cùng trình bày:

Vợ chồng ông C, bà V không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H và cho rằng, từ năm 1995 đến 1999, vợ chồng ông C, bà V có thuê 02 công đất của bà H trên Núi Cẩm, trên đất của bà H có săng giàn Su, giá thuê mỗi năm 1.000.000đ/02 công, sau đó chồng bà H tên thường gọi là Bảy Dành có cho mượn đất thêm 03 công trên Núi Cẩm liền ranh với đất 02 công đã thuê; sau có mượn tiền của vợ chồng bà H để mua dây chì căng dàn Su, tuy nhiên vợ chồng bà H không cho mượn tiền mà đưa dây chì căng dàn Su rồi tính tiền thuê đất. Như vậy, trên diện tích 05 công, vợ chồng ông C, bà V thuê mỗi năm 2.500.000đ/05 công.

Quá trình thực hiện, mỗi năm trả tiền thuê đất cho bà H, tuy nhiên việc trả tiền cũng không đầy đủ dẫn đến cộng sổ dồn lại thì còn nợ bà H số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), tiếp theo bà H kêu con bà H tên Đức viết biên nhận: theo nội dung biên nhận thì ông C còn nợ bà H là 10 chỉ vàng 24Kra.

Trong năm 1999, vợ chồng ông C, bà V đã bán giàn Su lại cho người tên H1 bằng 02 chỉ vàng 24Kra và ông H1 giao 02 chỉ vàng này cho bà H; đến khoảng năm 2003, đã trả thêm số vàng 03 chỉ vàng 24Kra cho bà H. Qua 02 lần trả thì còn nợ lại 05 chỉ vàng 24Kra và trước đó khoảng năm 1997 vợ chồng có giao cho bà H số lượng 02 tấn Su (tương đương 02 chỉ vàng 24Kra).

Như vậy, tính toán hết thì vợ chồng ông C, bà V chỉ còn nợ bà H số vàng 03 chỉ vàng 24Kra.

Đối với biên nhận nợ do bà H Cung cấp cho Tòa án, nay đã có kết quả giám định, ông C cũng thống nhất chữ ký, chữ viết của mình nhưng về nội dung ghi nợ 16,5 chỉ vàng 24Kra thì không thống nhất, vì cho rằng chỉ nợ bà H là 10 chỉ vàng 24Kra.

Đối với yêu cầu của bà H thì ông, bà chỉ đồng ý trả 03 chỉ vàng 24Kra, quy đổi thành tiền Việt Nam đồng thì ông, bà xin trả dần, mỗi tháng trả 01 triệu đồng cho đến thanh toán hết số nợ.

Ông C, bà V thống nhất giá vàng thị trường 5.300.000đ/01 chỉ vàng 24Kra.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự vẫn giữ nguyên lời trình bày; không bổ sung thêm chứng cứ gì mới cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân thủ theo pháp luật:

+ Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách những người tham gia tố tụng, trong quá trình thu thập chứng cứ thì Tòa án đã áp dụng đúng theo trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại phiên Tòa. Tuy nhiên, còn để án quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

+ Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn thì chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

Bà H và vợ chồng ông C (tự P), bà V có quen biết qua mua bán trái su, quá trình mua bán vợ chồng ông C có mượn vàng của bà H để mua đất, làm vốn trồng su, vào ngày 19/10/1998 vợ chồng ông C tất toán tổng số nợ mượn bà H là 16,5 chỉ vàng 24Kra. Trong thời gian mua bán su qua lại vợ chồng ông C đã trả dần cho bà H được 04 chỉ vàng 24Kra (trong đó, ông C, bà V trực tiếp trả 03 chỉ vàng 24Kra và 01 chỉ vàng 24Kra cần trừ giàn su từ ông Hùng), số còn lại 12,5 chỉ vàng 24Kra thì hứa hẹn nhiều lần không trả. Nay, bà H yêu cầu vợ chồng ông C, bà V trả đủ 12,5 chỉ vàng 24Kra cho bà H; chứng cứ kèm theo là “biên nhận do ông Nguyễn Văn P ký tổng số nợ đến ngày 19/10/1998 nợ bà H là 15 chỉ 5 phân vàng 24Kra và 01 chỉ vàng năm 1998, tổng cộng 16,5 chỉ vàng 24Kra. Tại kết luận giám định số 75/KLGD-PC09, ngày 23/07/2021 của Phòng kỹ thuật hình Công an tỉnh An Giang: chữ ký và chữ viết họ tên Trần Văn P dưới mục “Người ký nợ” trên biên nhận (không ghi ngày, tháng, năm) so với chữ ký và chữ viết mang tên Trần Văn C trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra. Tại phiên tòa hôm nay, bà H đồng ý cần trừ thêm cho ông C, bà V 01 chỉ vàng 24Kra từ việc sang giàn su từ ông Hùng (mặc dù bà H chưa nhận tiền từ ông Hùng nhưng bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác). Bà H yêu cầu ông C, bà V trả đủ 11,5 chỉ vàng 24ka và chi phí giám định là có cơ sở chấp nhận.

Vợ chồng ông C, bà V cho rằng vợ chồng bà chỉ nợ bà H 10 chỉ vàng 24Kra và đã trả được 07 chỉ vàng 24Kra nên chỉ còn nợ là 03 chỉ vàng 24Kra, khi trả nợ không không làm biên nhận, ông C khẳng định không ký tên vào biên nhận nợ, nếu giám định chữ ký, chữ viết trong biên nhận là của ông C thì ông hoàn toàn chịu

trách nhiệm trước pháp luật, tuy nhiên khi có “kết luận giám định số 75/KLGD-PC09 ngày 23/07/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang” thì ông C lại thừa nhận có ký vào biên nhận nhưng chỉ ký vào biên nhận nợ 10 chỉ vàng 24Kra. Lời khai của ông C thể hiện trước sau có mâu thuẫn, ngoài lời trình bày thì vợ chồng ông C không Cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông đã trả nợ cho bà H, cũng không cầu Tòa án triệu tập người làm chứng.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa và trên cơ sở phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Trần Văn C (tên gọi khác Trần Văn P) và Nguyễn Thị V phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số vàng 11,5 chỉ vàng 24Kra và chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp đòi tài sản và nơi cư trú của bị đơn trên địa bàn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đối chiếu với quy định pháp luật tại điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

[2] Tranh chấp đòi lại tài sản là số vàng 12,5 chỉ vàng 24Kra theo đơn khởi kiện của bà H cho rằng vợ ông C, bà V có mượn số vàng nhiều lần để mua đất và làm vốn trồng Su bán cho bà, còn nợ là 16 chỉ vàng 05 phân vàng 24Kra, ông C có ký tên “P” và ghi tên họ tên “trần văn P” vào biên nhận nợ (không ghi ngày, tháng, năm). Trong thời gian mua bán trái su qua lại thì vợ chồng ông C, bà V có trả cho bà H được 04 chỉ vàng 24Kra (01 chỉ vàng cần trừ từ ông H mua giàn su của ông C và 03 chỉ vàng do vợ chồng C trả trực tiếp); còn nợ lại 12 chỉ 05 phân vàng 24Kra.

Về phía bị đơn ông C, bà H cho rằng không có quan hệ mượn vàng, chỉ có giao dịch thuê đất trên diện tích 05 công, mỗi năm thuê là 2.500.000đ/05 công.

Quá trình thực hiện, do không trả đủ nên cộng số dồn lại còn nợ số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), quy đổi bằng vàng thì còn nợ 10 chỉ vàng 24Kra, có viết biên nhận do bà H giữ.

Vợ chồng ông C, bà V đã trả vào năm 1999 thông qua việc bán lại giàn Su cho người tên H1 bằng số 02 chỉ vàng 24Kra và ông H1 giao vàng này cho bà H; đến khoảng năm 2003, ông bà trả thêm số vàng 03 chỉ vàng 24Kra cho bà H. Qua 02 lần trả, còn nợ lại 05 chỉ vàng 24Kra và trước đó khoảng năm 1997 vợ chồng ông, bà có giao cho bà H số lượng 02 tấn Su (tương đương 02 chỉ vàng 24Kra). Như vậy, tính toán hết thì chỉ còn nợ bà H số vàng 03 chỉ vàng 24Kra.

[3] Xét về chứng cứ, chứng minh:

Nguyên đơn bà H khởi kiện đòi lại tài sản là số vàng 12,5 chỉ vàng 24Kra, tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận không ghi ngày tháng năm, có chữ ký, chữ viết của ông Trần Văn C (tên gọi khác Trần Văn P).

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của các đương sự lập ngày 01 tháng 09 năm 2020, vợ chồng ông C, bà V khẳng định chữ viết, chữ ký ghi tên Trần Văn P trong biên nhận không ghi ngày, tháng, năm do bà H Cung cấp không phải chữ ký, chữ viết của ông C và yêu cầu giám định, cho rằng nếu kết quả giám định là chữ ký, chữ viết của ông sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Theo kết luận giám định số 75/KL-GT-PC09(TL), ngày 23 tháng 07 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang kết luận “Chữ ký và chữ viết họ tên Trần Văn P dưới mục “người ký nợ” trên biên nhận (không ghi ngày, tháng, năm) so với chữ ký và chữ viết mang tên Trần Văn C trên các mẫu so sánh do cùng một người viết ra”.

Như vậy, có căn cứ xác định biên nhận nợ không ghi ngày, tháng, năm mà nguyên đơn Cung cấp là do bị đơn ông Trần Văn C ký và viết tên xác lập dư nợ theo biên nhận nên có nghĩa vụ trả lại tài sản mượn là vàng cho bà H theo quy định tại các Điều 166, Điều 496 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn cho rằng theo nội dung biên nhận ông C có nợ tổng cộng 16,5 chỉ vàng 24Kra, nhưng đã trả được 04 chỉ vàng 24kra, còn nợ lại 12,5 chỉ vàng 24Kra và đồng ý cần trừ thêm 01 chỉ vàng 24Kra từ ông H1 (ông H1 mua lại giàn su của ông C), bà H chỉ yêu cầu trả 11,5 chỉ vàng 24Kra.

Phía bị đơn trình bày không có quan hệ mượn vàng, mà quan hệ chính là thuê đất trồng su, còn nợ 10 chỉ vàng 24Kra, đã trả được 07 chỉ vàng 24Kra, còn nợ lại 03 chỉ vàng 24Kra nhưng không Cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là có căn cứ chấp nhận buộc bị đơn ông C, bà V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà H là 11,5 chỉ vàng 24Kra. Quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá vàng thị trường là 5.300.000đ/01 chỉ vàng 24Kra (các đương sự thống nhất giá vàng thị trường) tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 11,5 chỉ vàng 24Kra x 5.300.000đ/01 chỉ vàng 24Kra bằng 60.950.000đ (*sáu mươi triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí để trưng cầu giám định là 1.538.000đ, đây là chi phí tố tụng, phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn có lỗi phải trả lại là có cơ sở chấp nhận.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quan điểm của Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Bị đơn ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị H có lỗi nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.047.500đ (*ba triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, các điều 147, 184, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 164, Điều 166, Điều 496 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H

Buộc ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị V phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số vàng 11,5 (mười một phẩy năm) chỉ vàng 24Kra. Quy đổi thành tiền Việt Nam đồng là 60.950.000đ (*sáu mươi triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị V phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.538.000đ (*một triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi Hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị V phải chịu 3.047.500đ (*ba triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 420.000đ (*bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009295, ngày 01/09/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị V phải nộp thêm số tiền án phí là 2.627.500đ (*hai triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Tịnh Biên;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- Lưu Hs + Vt.

Châu Nam Phú